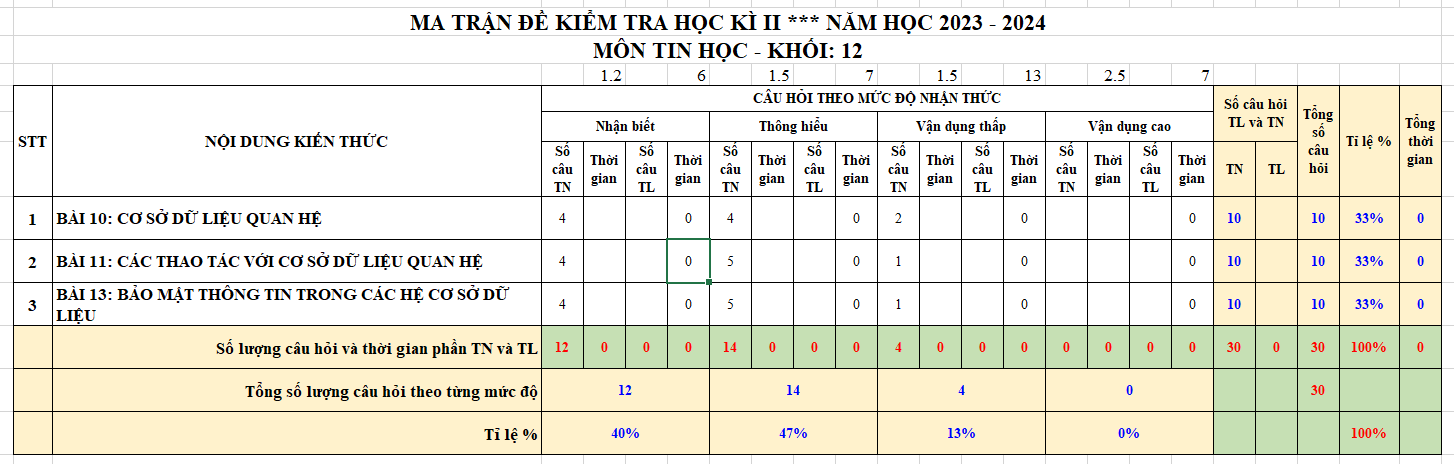
**BẢNG ĐẶC TẢ - ĐỀ KIỂM TRA HK 2**

**MÔN: TIN HỌC, LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức (Chủ đề)/ kỹ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | |
| **1** | **HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU QUAN HỆ** | Bài 10: Cơ sở dữ liệu quan hệ | **Nhận biết:**   * Nêu được mô hình dữ liệu (mức khái niệm và mức khung nhìn...). * Nêu được mô hình dữ liệu ở mức vật lí.   **Thông hiểu:**  So sánh được giữa hai mô hình dữ liệu ở mức logic và mức vật lý (*mô hình logic* trả lời câu hỏi những thông tin nào có (dữ liệu nào được lưu trữ trong CSDL); còn *mô hình vật lý* trả lời câu hỏi dữ liệu được lưu trữ như thế nào trên bộ nhớ ngoài). | | 4(TN) | | 4(TN) | 2(TN) |  | |
| Bài 11: Các thao tác với cơ sở dữ liệu quan hệ | **Nhận biết:**   * Chỉ ra được cấu trúc của một CSDL đã cho là cấu trúc của mô hình dữ liệu quan hệ. * Chỉ ra được các đặc trưng cơ bản của mô hình quan hệ: cột (trường/thuộc tính), hàng (bản ghi/bộ). * Chỉ ra các khoá trong bảng. * Chỉ ra được mối liên liên kết giữa các bảng. * Nêu được các thao tác với CSDL quan hệ: tạo bảng, cập nhật, sắp xếp các bản ghi, truy vấn CSDL và lập báo cáo. **Thông hiểu:** * Giải thích được mô hình dữ liệu quan hệ thực chất là mô hình giữa các bảng (quan hệ) với các đặc trưng tên bảng, bộ và thuộc tính. * Giải thích được các đặc trưng cơ bản của mô hình quan hệ về cột/thuộc tính/trường và dòng/bộ/bản ghi thông qua các ví dụ minh họa.   Nêu được ví dụ minh họa khái niệm khóa và khái niệm liên kết giữa các bảng.   * Nêu được vai trò, ý nghĩa của các thao tác với CSDL quan hệ: tạo bảng, cập nhật, sắp xếp các bản ghi, truy vấn CSDL và lập báo cáo.   **Vận dụng (Thực hành/Kĩ năng):**   * Xác định được các bảng và khoá liên kết giữa các bảng trong bài toán quản lí đơn giản.   Thực hiện được các thao tác với CSDL quan hệ: tạo bảng, cập nhật, sắp xếp các bản ghi, truy vấn CSDL và lập báo cáo. | | 4(TN) | | 5(TN) | 1(TN) |  | |
| Bài 13: Bảo mật thông tin trong các hệ cơ sở dữ liệu | **Nhận biết:**   * Nêu được các chính sách, điều luật, ý thức bảo vệ thông tin (luật an ninh mạng và an toàn thông tin). * Nêu được một số cách thông dụng bảo mật CSDL. * Trình bày được khái niệm và tầm quan trọng của bảo mật CSDL.   **Thông hiểu:**   * Giải thích được nội dung của các cách bảo mật CSDL đã biết. * Giải thích được khái niệm và tầm quan trọng của bảo mật CSDL.   **Vận dụng (Lí thuyết):**   * Lấy được ví dụ minh họa thực hiện những cách thông dụng để bảo mật CSDL trong tình huống cụ thể. | | 4(TN) | | 5(TN) | 1(TN) |  | |
| **Tổng** | | | |  | | 12(TN) | 14(TN) | 4(TN) |  | |
| **Tỉ lệ %** | | | |  | | **40%** | **47%** | **13%** |  | |

****